

Số: \_\_\_\_/16/KIS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2016.

## CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(về biến động kết quả kinh doanh của quý 3/2016 so với quý 3/2015)

Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE)

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, công ty chứng khoán phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là “công ty”) làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của quý 3/2016 (kỳ báo cáo) so với quý 3/2015 như sau :

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>					
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	3,085,500,696	2,525,455	3,082,975,241	122076%
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	110,232,298	1,773,005	108,459,293	6117%
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	2,974,740,998		2,974,740,998	
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	527,400	752,450	(225,050)	-30%
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	3,740,944,443	4,353,949,318	(613,004,875)	-14%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	41,374,745,635	25,591,954,964	15,782,790,671	62%
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	28,345,803,923	19,620,240,453	8,725,563,470	44%
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	811,611,168	392,539,223	419,071,945	107%
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	211,435,773	1,519,220	209,916,553	13817%
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01--&gt;11)</b>	<b>20</b>	<b>77,570,041,638</b>	<b>49,962,728,633</b>	<b>27,607,313,005</b>	<b>55%</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>					
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21	2,613,733,933	753,818	2,612,980,115	346633%
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	2,613,733,933	753,818	2,612,980,115	346633%
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26	408,483,207	66,446,018	342,037,189	515%
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	21,464,415,197	14,122,735,335	7,341,679,862	52%
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	762,679,101	499,260,980	263,418,121	53%
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	111,511,462	95,504,847	16,006,615	17%
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21--&gt;32)</b>	<b>40</b>	<b>25,360,822,900</b>	<b>14,784,700,998</b>	<b>10,576,121,902</b>	<b>72%</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	42	305,815,224		305,815,224	
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41--&gt;44)</b>	<b>50</b>	<b>305,815,224</b>		<b>305,815,224</b>	
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>					

4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	133,374,280		133,374,280	
4.2. Chi phí lãi vay	52	4,694,452,112	2,418,117,074	2,276,335,038	94%
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51--&gt;55)</b>	<b>60</b>	<b>4,827,826,392</b>	<b>2,418,117,074</b>	<b>2,409,709,318</b>	<b>100%</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>13,531,607,112</b>	<b>10,281,920,557</b>	<b>3,249,686,555</b>	<b>32%</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>	<b>70</b>	<b>34,155,600,458</b>	<b>22,477,990,004</b>	<b>11,677,610,454</b>	<b>52%</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>					
8.1. Thu nhập khác	71	95,544	5,150,965	(5,055,421)	-98%
8.2. Chi phí khác	72		7	(7)	-100%
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>	<b>95,544</b>	<b>5,150,958</b>	<b>(5,055,414)</b>	<b>-98%</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>	<b>90</b>	<b>34,155,696,002</b>	<b>22,483,140,962</b>	<b>11,672,555,040</b>	<b>52%</b>
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92	34,155,696,002		34,155,696,002	
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>	<b>6,831,139,200</b>		<b>6,831,139,200</b>	
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	6,831,139,200		6,831,139,200	
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>	<b>27,324,556,802</b>	<b>22,483,140,962</b>	<b>4,841,415,840</b>	<b>22%</b>

Trong quý III/2016, lợi nhuận sau Thuế của công ty đạt 27,3 tỷ đồng, tăng 4.8 tỷ đồng (tương ứng tăng 22%) so với cùng kỳ năm trước do tốc độ tăng doanh thu tăng nhiều so với tốc độ tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, cụ thể là:

- Tổng doanh thu tăng 27,6 tỷ đồng (55%) so với kỳ trước chủ yếu do doanh thu môi giới tăng 8.7 tỷ (44%) & doanh thu lãi cho vay ký quỹ & ứng trước tăng 15,7 tỷ (62%)
- Trong khi đó, chi phí QLDN (định phí) chỉ tăng 3.2 tỷ (32%) do mở thêm chi nhánh mới.

Trên đây là những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch về kết quả kinh doanh quý 3/2016 so với cùng kỳ năm trước của Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam.

Công ty xin báo cáo Quý cơ quan được biết.

Trân trọng!

Tổng giám đốc

Oh Kyung Hee